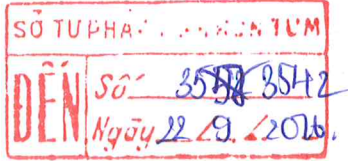


Số: 07/KH-HĐND

Kon Tum, ngày 19 tháng 9 năm 2016

KẾ HOẠCH

**Giám sát tình hình thực hiện nhiệm vụ kinh tế - xã hội,
bảo đảm quốc phòng, an ninh năm 2016**



Thực hiện Nghị quyết 53/NQ-HĐND ngày 19/8/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh về Chương trình giám sát 6 tháng cuối năm 2016 và năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh xây dựng Kế hoạch giám sát tình hình thực hiện nhiệm vụ kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh năm 2016 như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích: Đánh giá chính xác kết quả thực hiện; làm rõ những khó khăn, vướng mắc và nguyên nhân ảnh hưởng đến quá trình triển khai thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh năm 2016. Trên cơ sở đó, xác định các chỉ tiêu, nhiệm vụ, giải pháp khả thi hơn cho Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh trên địa bàn tỉnh trong năm 2017.

2. Yêu cầu:

- Các cơ quan, đơn vị chịu sự giám sát bám sát Nghị quyết số 23/2015/NQ-HĐND ngày 10/12/2015, Nghị quyết số 54/2016/NQ-HĐND ngày 19/8/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh về tình hình thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh, 6 tháng đầu năm; phương hướng, nhiệm vụ 6 tháng cuối năm 2016 và Phương hướng, nhiệm vụ, chỉ tiêu, biện pháp lớn của kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh năm 2016 được xác định tại Báo cáo số 321/BC-UBND ngày 04/12/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh. Đánh giá đầy đủ, chính xác kết quả thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ, giải pháp phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh năm 2016 thuộc lĩnh vực, nhiệm vụ của ngành và địa phương mình theo đúng mục đích đã xác định nêu trên.

- Đoàn giám sát của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh phối hợp chặt chẽ với các đơn vị, địa phương có liên quan để tổ chức thực hiện kế hoạch giám sát này; báo cáo kết quả giám sát cho Hội đồng nhân dân tỉnh theo quy định.

II. NỘI DUNG GIÁM SÁT

Kết quả triển khai thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ, giải pháp phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng an ninh năm 2016 của tỉnh và của từng ngành, địa phương đến hết ngày 30/9/2016, ước thực hiện cả năm 2016 so với kế hoạch được giao (có đề cương kèm theo).

III. PHẠM VI, CƠ QUAN, ĐƠN VỊ CHỊU SỰ GIÁM SÁT

1. Phạm vi giám sát: Trên địa bàn toàn tỉnh.

2. Cơ quan, đơn vị chịu sự giám sát: Ủy ban nhân dân tỉnh, các sở, ngành trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố. Khi thực hiện giám sát tại các huyện, thành phố, Đoàn giám sát sẽ thực hiện giám sát trực tiếp tại một số xã, phường, thị trấn do Đoàn giám sát quyết định.

IV. THỜI GIAN VÀ ĐỊA ĐIỂM GIÁM SÁT

(Dự kiến trong tháng 10/2016, thời gian cụ thể sẽ có thông báo sau)

V. THÀNH PHẦN ĐOÀN GIÁM SÁT

- Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh.
- Đại diện Lãnh đạo các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh.
- Đại diện Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh.
- Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh ứng cử trên địa bàn các huyện, thành phố; đại diện Thường trực Hội đồng nhân dân các huyện, thành phố (khi đoàn giám sát trên địa bàn).
- Lãnh đạo và chuyên viên Văn phòng Hội đồng nhân dân tỉnh.

VI. PHƯƠNG PHÁP LÀM VIỆC

- Các đơn vị chịu sự giám sát xây dựng và gửi báo cáo về Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh.
- Đoàn giám sát nghiên cứu các báo cáo của các đơn vị, xác định thời gian, địa điểm và tiến hành giám sát trực tiếp tại một số cơ quan, đơn vị.

VII. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh đề nghị:

- Ủy ban nhân dân tỉnh, các Sở, ban, ngành trên địa bàn tỉnh; Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố xây dựng báo cáo chính thức (theo đề cương gửi kèm), gửi về Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh trước ngày 15/10/2016 (đồng thời gửi file văn bản vào hộp thư điện tử: cthd.hdndkt@gmail.com)

- Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố chỉ đạo Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn chuẩn bị báo cáo chính thức theo đề cương để cung cấp cho Đoàn giám sát khi làm việc tại đơn vị.

- Thành viên của Đoàn giám sát chủ động nghiên cứu báo cáo của các địa phương, đơn vị; chuẩn bị ý kiến tham gia tại các buổi làm việc.

- Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân tỉnh chỉ đạo theo dõi, đôn đốc các đơn vị xây dựng và gửi báo cáo đúng đề cương, thời gian đã xác định; tham mưu, đề xuất cơ quan chịu sự giám sát trực tiếp và chuẩn bị các điều kiện phục vụ Đoàn giám sát; tổng hợp, báo cáo kết quả giám sát theo quy định./. 

Nơi nhận 

- Thường trực Tỉnh ủy (b/c);
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- UBNDTTQVN tỉnh;
- UBND tỉnh;
- Các Ban của HĐND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành của tỉnh;
- TT HĐND-UBND các huyện, thành phố;
- Lãnh đạo Văn phòng HĐND tỉnh;
- Chuyên viên phòng Tổng hợp;
- Lưu: VT, TH. (Khương, Yiang)

TM. THƯỜNG TRỰC HĐND TỈNH
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Kring Ba



ĐỀ CƯƠNG GIÁM SÁT

*(Kèm theo Kế hoạch giám sát số 07/KH-HĐND ngày 19/9/2016
của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh)*

A. ĐỐI VỚI ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH VÀ ỦY BAN NHÂN DÂN CÁC HUYỆN, THÀNH PHỐ

I. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC CHỈ TIÊU, NHIỆM VỤ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI, BẢO ĐẢM QUỐC PHÒNG, AN NINH NĂM 2016

Đề nghị báo cáo, phân tích đánh giá đầy đủ kết quả thực hiện các chỉ tiêu, nhiệm vụ và giải pháp phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng an ninh năm 2016 đến ngày 30/9/2016, ước thực hiện đến 31/12/2016, so với chỉ tiêu kế hoạch năm 2016 đã đề ra tại Nghị quyết số 23/2015/NQ-HĐND ngày 10/12/2015, Nghị quyết số 54/2016/NQ-HĐND ngày 19/8/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh về tình hình thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội 6 tháng đầu năm; phương hướng, nhiệm vụ 6 tháng cuối năm 2016; và Phương hướng, nhiệm vụ, chỉ tiêu, biện pháp lớn của kế hoạch phát triển kinh tế xã hội, quốc phòng, an ninh năm 2016 được xác định tại Báo cáo số 321/BC-UBND ngày 04/12/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh. Trong từng nội dung của báo cáo, cần quan tâm đánh giá kỹ các nội dung sau đây:

1. Về Kinh tế

a) Về Tăng trưởng và chuyển dịch cơ cấu kinh tế.

- Kết quả cụ thể và tính hợp lý của cơ cấu kinh tế đạt được so với điều kiện thực tế của tỉnh.

b) Về Nông - Lâm nghiệp, Thủy sản.

- Kết quả thực hiện chủ trương của Chính phủ về tái cơ cấu ngành nông nghiệp;

- Công tác sắp xếp, đổi mới và nâng cao hiệu quả của các công ty TNHH MTV lâm nghiệp theo Nghị quyết 30-NQ/TW ngày 12/3/2014 của Bộ Chính trị.

- Kết quả thu hút các dự án đầu tư về trồng rừng, trồng cây công nghiệp, Sâm Ngọc Linh, các cây dược liệu quý và rau hoa xứ lạnh.

- Công tác quản lý bảo vệ rừng. Vai trò trách nhiệm của chủ rừng và các cơ quan, đơn vị có liên quan; kết quả xử lý các vụ việc khai thác, vận chuyển lâm sản trái phép.

- Kết quả triển khai các chính sách hỗ trợ và huy động các nguồn lực xã hội đầu tư phát triển nông nghiệp, nông thôn.

- Công tác khắc phục hạn hán trong thời gian vừa qua; kết quả bước đầu triển khai thực hiện chủ trương của tỉnh về chuyển diện tích gieo trồng vụ đông xuân 2015 - 2016 bị thiếu nước sang trồng các loại cây khác.

c) Về Công nghiệp - Xây dựng.

- Các giải pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho doanh nghiệp đã triển khai; kết quả cụ thể.

- Công tác rà soát, bổ sung chính sách phát triển công nghiệp hỗ trợ, công nghiệp công nghệ cao.

- Việc huy động, kêu gọi và thu hút doanh nghiệp đầu tư xây dựng các nhà máy chế biến các sản phẩm nông nghiệp, thức ăn gia súc, giết mổ, chế biến thịt...

- Công tác quy hoạch và xây dựng các khu công nghiệp, cụm công nghiệp theo hướng công nghiệp - dịch vụ - đô thị. Kết quả hoạt động của các khu công nghiệp, cụm công nghiệp trên địa bàn (*Về quy mô, kinh phí đã đầu tư, diện tích lấp đầy, tổng giá trị hàng hóa sản xuất cung cấp ra thị trường, tham gia giải quyết việc làm và đóng góp cho ngân sách địa phương...*)

- Công tác giải quyết việc cấp phép xây dựng trên địa bàn các huyện, thành phố.

d) Về Thương mại - Dịch vụ.

- Kết quả hoạt động xúc tiến đầu tư, xúc tiến thương mại trong và ngoài nước.

- Kết quả hoạt động xuất, nhập khẩu. Sức cạnh tranh và thị phần của sản phẩm hàng hóa do các doanh nghiệp của tỉnh sản xuất đối với thị trường trong và ngoài nước.

- Việc đầu tư khôi phục, phát triển các ngành nghề truyền thống tiểu thủ công nghiệp.

- Việc đầu tư, xây dựng hệ thống thương mại - dịch vụ; khả năng đáp ứng nhu cầu cung cấp nguyên, nhiên, vật liệu đầu vào, nhu yếu phẩm thiết yếu cho Nhân dân và giải quyết đầu ra cho sản phẩm hàng hóa ở địa phương.

- Về hoạt động của các tuyến, điểm du lịch trên địa bàn.

- Kết quả kiểm tra, xử lý tình trạng gian lận thương mại, buôn bán hàng giả, hàng kém chất lượng, lợi dụng kinh doanh bán hàng đa cấp để lừa đảo, chiếm đoạt tài sản người tham gia kinh doanh trên địa bàn.

e) Về Thu - Chi ngân sách.

- Kết quả thu, chi ngân sách so với chỉ tiêu Trung ương giao và Hội đồng nhân dân tỉnh giao.

- Kết quả việc xử lý nợ đọng xây dựng cơ bản.
- Kết quả xử lý, thu hồi các khoản nợ đọng về thuế.
- Dự kiến phương án xử lý các khoản hực thu trong cân đối ngân sách địa phương năm 2016 (nếu có).

f) Về Đầu tư phát triển.

- Kết quả thực hiện chi đầu tư phát triển.
- Kết quả (tổng hợp) triển khai các dự án đầu tư công trong năm 2016 (tiến độ thực hiện và kết quả giải ngân từng nguồn vốn ngân sách Trung ương, ngân sách địa phương và các nguồn vốn hợp pháp khác).
- Kết quả huy động các nguồn vốn cho đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng theo hình thức PPP, khai thác quỹ đất...
- Kết quả xử lý các dự án đầu tư của các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân chậm hoặc không triển khai thực hiện.

g) Về việc bố trí, sắp xếp lại dân cư.

- Việc triển khai thực hiện Đề án di dân, bố trí, sắp xếp lại dân cư trên địa bàn huyện Ia H'Drai theo kết luận của Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

2. Về khoa học và công nghệ

- Kết quả huy động các nguồn lực đầu tư cho khoa học công nghệ.
- Hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ tại các doanh nghiệp phục vụ trực tiếp cho sản xuất, kinh doanh.
- Kết quả triển khai các dự án, đề tài cấp tỉnh về nghiên cứu chuyển giao, ứng dụng khoa học, công nghệ trong năm 2016. Các dự án, đề tài đã được triển khai nhân rộng và hiệu quả trong thực tế.

3. Về Tài nguyên - Môi trường

- Công tác quản lý tài nguyên khoáng sản trên địa bàn. Kết quả xử lý các vụ việc khai thác khoáng sản trái phép.
- Kết quả thực hiện Kế hoạch sử dụng đất năm 2016 cấp huyện, tỉnh.
- Công tác giải quyết đất giao chồng lấn, đất lấn chiếm nằm trong lâm phần các đơn vị chủ rừng trên địa bàn tỉnh Kon Tum.
- Kết quả cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần đầu cho người dân trên địa bàn huyện, thành phố.
- Kết quả phân loại, kiểm tra và xử lý các cơ sở sản xuất, chế biến gây ô nhiễm môi trường.

4. Về Văn hóa - Xã hội

a) Về lao động, việc làm, các vấn đề về chính sách xã hội.

- Kết quả thực hiện chỉ tiêu đào tạo nghề cho lao động nông thôn năm 2016 (theo Quyết định 1956/QĐ-TTg ngày 27/11/2009 và Quyết định 971/QĐ-TTg ngày 01/7/2015). Số người đã tốt nghiệp các khóa đào tạo tại các cơ sở dạy nghề trong tỉnh; trong đó, số người đã có việc làm (chi tiết cho từng hình thức: tự tạo việc làm cho bản thân, làm công nhân cho các doanh nghiệp trong và ngoài tỉnh, tham gia xuất khẩu lao động, chuyển đổi ngành nghề...).

- Việc giải quyết các chế độ chính sách cho người có công và các đối tượng chính sách xã hội khác.

- Kết quả thực hiện công tác và bảo vệ chăm sóc trẻ em trên địa bàn.

- Kết quả triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu Quốc gia giảm nghèo bền vững trong năm 2016.

b) Về Giáo dục và Đào tạo.

- Kết quả thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu về Giáo dục - Đào tạo năm học 2015 - 2016; công tác chuẩn bị và kết quả huy động học sinh các bậc học phổ thông ra lớp đầu năm học 2016 - 2017.

- Việc sắp xếp lại hệ thống đào tạo chuyên nghiệp trên địa bàn tỉnh; kết quả tuyển sinh của các trường này trong năm học 2016 - 2017.

- Về hoạt động và chất lượng giáo dục của các cơ sở giáo dục tư thục trên địa bàn tỉnh.

c) Về Y tế và chăm sóc sức khỏe nhân dân.

- Công tác củng cố và kiện toàn mạng lưới y tế cơ sở.

- Hoạt động khám, chữa bệnh tại các cơ sở hành nghề y, dược tư nhân; so sánh với chất lượng khám, chữa bệnh tại các cơ sở khám chữa bệnh công lập đã đạt chuẩn của Bộ Y tế.

- Tình hình vệ sinh an toàn thực phẩm và công tác kiểm tra, kiểm soát, xử lý các cơ sở sản xuất kinh doanh thực phẩm kém chất lượng, không bảo đảm vệ sinh an toàn thực phẩm trên địa bàn.

- Kết quả công tác phòng, chống dịch bệnh (sốt xuất huyết, zika...) trên địa bàn.

d) Về Văn hóa - Thể thao.

- Công tác khôi phục, bảo tồn, phát huy giá trị bản sắc văn hóa truyền thống của các dân tộc thiểu số, các di tích lịch sử cách mạng gắn với phát triển du lịch trên địa bàn tỉnh.

- Kết quả các hoạt động thể thao thành tích cao, phong trào toàn dân rèn luyện thể thao, cơ sở vật chất phục vụ các hoạt động thể dục thể thao.

5. Về Công tác cải cách hành chính.

- Kết quả triển khai thực hiện Nghị quyết số 19/2015/NQ-CP ngày 12/3/2015 của Chính phủ về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu tiếp tục cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia hai năm 2015 - 2016.

- Kết quả khắc phục sự giảm sút của chỉ số PCI, nâng cao chỉ số PAPI của tỉnh.
- Kết quả công tác ứng dụng công nghệ thông tin gắn với thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông hiện đại nhằm giảm các chi phí không cần thiết cho doanh nghiệp.

6. Về Bảo đảm quốc phòng, an ninh

- Công tác bảo đảm quốc phòng, an ninh chính trị ⁽¹⁾ và trật tự an toàn xã hội trên địa bàn huyện, thành phố ⁽²⁾.
- Kết quả công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí, thực hành tiết kiệm.
- Kết quả công tác tiếp dân, giải quyết đơn, thư khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh của công dân.
- Hoạt động đối ngoại nhà nước, ngoại giao nhân dân.

II. ĐÁNH GIÁ CHUNG

Đánh giá kết quả triển khai thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng an ninh năm 2016.

1. Về ưu điểm.

2. Về hạn chế, thiếu sót và khó khăn, vướng mắc.

*** Đề nghị làm rõ:**

+ Những hạn chế, thiếu sót của địa phương, đơn vị trong quá trình tổ chức thực hiện.

+ Các khó khăn, vướng mắc mà đơn vị, địa phương đang gặp phải; các phát sinh, bất cập về cơ chế, chính sách, về chỉ đạo, điều hành của chính quyền các cấp (nếu có)... đang làm cản trở, gây khó khăn hoặc làm giảm hiệu quả, chất lượng tổ chức thực hiện nội dung giám sát, cần phải được sửa đổi, điều chỉnh cho phù hợp.

3. Nguyên nhân của những hạn chế, thiếu sót và khó khăn, vướng mắc.

¹ Chú ý kết quả thực hiện xóa bỏ tà đạo Hà Môn tại địa phương.

² Chú ý đến tình hình chấp hành Luật ATGT trên địa bàn tỉnh.

Đề nghị làm rõ nguyên nhân chủ quan thuộc về trách nhiệm chỉ đạo, điều hành và tổ chức thực hiện của chính quyền, các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân các cấp.

*** Lưu ý:**

Đối với việc đánh giá các ưu điểm, hạn chế, vướng mắc và nguyên nhân, đề nghị các đơn vị nêu rõ địa chỉ cụ thể, không nói chung chung.

III. PHƯƠNG HƯỚNG, MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP NĂM 2017

1. Dự báo những thuận lợi và khó khăn ảnh hưởng đến việc đề ra và tổ chức thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh năm 2017.

2. Mục tiêu, chỉ tiêu chủ yếu.

3. Nhiệm vụ trọng tâm và các giải pháp chủ yếu trên các lĩnh vực trong năm 2017:

3.1. Về Kinh tế.

3.2. Về Khoa học và Công nghệ.

3.3. Về Tài nguyên - Môi trường.

3.4. Về Văn hóa - Xã hội.

3.5. Về Thông tin và Truyền thông.

3.6. Về Cải cách hành chính.

3.7. Về Bảo đảm quốc phòng, an ninh.

IV. KIẾN NGHỊ ĐỀ XUẤT:

1. Đối với Trung ương.

2. Đối với tỉnh:

+ Đối với Tỉnh ủy.

+ Đối với Hội đồng nhân dân tỉnh.

+ Đối với Ủy ban nhân dân tỉnh.

Ghi Chú: Ngoài các nội dung được đề cập tại đề cương này, đề nghị UBND tỉnh và các huyện, thành phố bổ sung những nội dung khác mà đơn vị thấy cần thiết.

B. ĐỐI VỚI CÁC SỞ, NGÀNH CỦA TỈNH

I. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CHỈ TIÊU, NHIỆM VỤ ĐƯỢC ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH GIAO NĂM 2016

1. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu, nhiệm vụ được UBND tỉnh giao cho đơn vị: *(Đề nghị làm rõ kết quả thực hiện từng nhiệm vụ được giao; các chỉ tiêu đạt, không đạt so với kế hoạch năm 2016).*

2. Tiến độ thực hiện một số dự án, công trình do đơn vị làm chủ đầu tư hoặc thực hiện *(nếu có)*.

II. Đánh giá chung về kết quả thực hiện các chỉ tiêu, nhiệm vụ Ủy ban nhân dân tỉnh giao:

1. Về ưu điểm: So với chỉ tiêu, nhiệm vụ được Ủy ban nhân dân tỉnh giao các chỉ tiêu, nhiệm vụ nào đã hoàn thành, có khả năng hoàn thành và hoàn thành vượt mức đã đề ra.

2. Về hạn chế, thiếu sót và khó khăn, vướng mắc: *(nếu có)*

3. Nguyên nhân của hạn chế, thiếu sót và khó khăn, vướng mắc: Cần chú ý làm rõ nguyên nhân liên quan đến các chỉ tiêu chưa đạt theo Kế hoạch giao năm 2016 *(nhất là nguyên nhân chủ quan thuộc về trách nhiệm chỉ đạo, điều hành và tổ chức thực hiện của lãnh đạo và đội ngũ công chức của đơn vị)*.

* **Lưu ý:** Đối với việc đánh giá các ưu điểm, khuyết điểm đề nghị các Sở, ban, ngành nêu rõ địa chỉ, không nói chung chung.

III. PHƯƠNG HƯỚNG, MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP NĂM 2017

Nhiệm vụ trọng tâm và giải pháp chủ yếu cần tập trung chỉ đạo triển khai thực hiện trong năm 2017.

IV. KIẾN NGHỊ ĐỀ XUẤT:

- Đối với Trung ương.
- Đối với tỉnh:
- + Đối với Tỉnh ủy.
- + Đối với Hội đồng nhân dân tỉnh.
- + Đối với Ủy ban nhân dân tỉnh.

Ghi Chú: Ngoài các nội dung được đề cập tại đề cương này, các đơn vị có thể bổ sung thêm vào báo cáo những vấn đề đơn vị thấy cần thiết.

Phụ lục 01

**TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC CHỈ TIÊU KINH TẾ - XÃ HỘI,
MÔI TRƯỜNG NĂM 2016, KẾ HOẠCH NĂM 2017**

TT	Các chỉ tiêu (theo KH giao)	Đơn vị tính	Thực hiện năm 2015	KH năm 2016	TH 9 tháng năm 2016	Ước TH năm 2016	So sánh (%)			KH năm 2017
							Thực hiện năm 2015	TH 9 tháng với KH 2016	KH năm 2016	
A	B	C	1	2	3	4	5=4/1	6=3/2	7=4/2	8
I	Các chỉ tiêu kinh tế									
1	Tổng sản phẩm (GDP)	%								
	Trong đó:									
	Nông, lâm, thủy sản	%								
	Công nghiệp, xây dựng	%								
	Thương mại - Dịch vụ	%								
2	Cơ cấu tổng sản phẩm theo ngành									
	Nông, lâm, thủy sản	%								
	Công nghiệp, xây dựng	%								
	Thương mại - Dịch vụ	%								
3	Tổng sản phẩm trên địa bàn phân theo ngành									
	- Theo giá cố định									
	Nông, lâm, thủy sản	Tr.đ								
	Công nghiệp, xây dựng	Tr.đ								
	Thương mại - Dịch vụ	Tr.đ								
	- Theo giá hiện hành									
	Nông, lâm, thủy sản	Tr.đ								
	Công nghiệp, xây dựng	Tr.đ								
	Thương mại - Dịch vụ	Tr.đ								
4	Thu nhập bình quân đầu người	Tr.đ								
5	Tổng thu ngân sách địa phương	Tr.đ								
	Trong đó: Thu NSNN tại địa bàn (bao gồm ghi thu, ghi chi quản lý qua ngân sách)	Tr.đ								
6	Tổng chi ngân sách địa phương	Tr.đ								
	Trong đó:									
	- Chi cân đối NSDP	Tr.đ								
	Chi đầu tư phát triển	Tr.đ								
	Chi thường xuyên	Tr.đ								
	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	Tr.đ								
	Chi dự phòng	Tr.đ								
	50% tăng thu so DT cân đối lương	Tr.đ								
	- Chi nguồn TW bổ sung có mục tiêu	Tr.đ								
	BS có mục tiêu vốn ĐTPT	Tr.đ								
	BS có mục tiêu kinh phí sự nghiệp	Tr.đ								
	- Các khoản chi do từ theo số thực	Tr.đ								

A	B	C	1	2	3	4	5=4/1	6=3/2	7=4/2	8
	- Các khoản ghi chi theo chế độ (viện phí, học phí phạt ATGT,...)	Tr.đ								
7	Tổng kim ngạch xuất khẩu	Tr.đ								
8	Tổng kim ngạch nhập khẩu	Tr.đ								
9	Tổng sản lượng lương thực có hạt	Tấn								
	SLLT/người	Kg								
10	Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ (giá hiện hành)	Tr.đ								
II	Các chỉ tiêu văn hóa - xã hội									
1	Dân số, y tế:									
-	Quy mô trung bình	người								
-	Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên	%								
-	Tuổi thọ trung bình của người dân									
-	Xã đạt bộ tiêu chí QG về y tế xã	%								
-	Trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng	%								
2	Giáo dục:									
-	Huy động HS ra lớp các cấp học	%								
-	Xây dựng trường chuẩn quốc gia	%								
+	Mầm non	"								
+	TH	"								
+	THCS	"								
+	THPT	"								
3	Lao động, thương binh và xã hội:									
-	Tỷ lệ lao động qua đào tạo	%								
+	Trong đó: lao động qua đào tạo nghề	%								
-	Giải quyết việc làm cho số lao động/năm									
-	Tỷ lệ hộ nghèo	%								
-	Xã đạt chuẩn nông thôn mới									
4	Văn hóa-thể thao:									
-	Xã có thiết chế văn hóa-thể thao	%								
-	Tỷ lệ khu dân cư đạt tiêu chuẩn tiên ti	%								
-	Tỷ lệ gia đình văn hóa	%								
III	Các chỉ tiêu môi trường									
1	Tỷ lệ dân cư nông thôn sử dụng nước hợp vệ sinh	%								
2	Tỷ lệ độ che phủ rừng	%								
3	Tỷ lệ hộ nông thôn có công trình vệ sinh hợp vệ sinh	%								

THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2016, DỰ TOÁN NĂM 2017 TRÊN ĐỊA BÀN

[illegible]

THỰC HIỆN CÂN ĐỐI THU - CHI NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN, THÀNH PHỐ

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Thực hiện năm 2015	KH năm 2016	Thực hiện 9 tháng năm 2016	Ước thực hiện năm 2016	So sánh (%)			KH năm 2017
							TH năm 2015	TH 9 tháng với KH 2016	KH năm 2016	
A	B	C	1	2	3	4	5=4/1	6=3/2	7=4/2	8
A	Thu NSNN trên địa bàn	Tr.đ								
B	Thu ngân sách cấp huyện	Tr.đ								
I	Thu NSĐP được hưởng	Tr.đ								
II	Bổ sung từ ngân sách cấp trên	Tr.đ								
1	Bổ sung cân đối ngân sách	Tr.đ								
2	Bổ sung mục tiêu từ ngân sách cấp trên	Tr.đ								
	Nguồn cân đối ngân sách cấp tỉnh	Tr.đ								
	Nguồn Trung ương bổ sung mục tiêu	Tr.đ								
C	Chi ngân sách huyện, thành phố	Tr.đ								
C1	Chi cân đối ngân sách	Tr.đ								
I	Chi đầu tư phát triển	Tr.đ								
II	Chi thường xuyên	Tr.đ								
III	Chi dự phòng	Tr.đ								
C2	Chi nhiệm vụ bổ sung từ ngân sách cấp trên	Tr.đ								
I	Nguồn cân đối ngân sách cấp tỉnh	Tr.đ								
1	Bổ sung chi đầu tư	Tr.đ								
1.1	Bổ sung Chính sách xã, thôn trọng điểm (NQ 05/200	Tr.đ								
2	Bổ sung nhiệm vụ chi thường xuyên	Tr.đ								
II	Nguồn Trung ương bổ sung có mục tiêu	Tr.đ								
1	Bổ sung mục tiêu vốn đầu tư	Tr.đ								
2	Bổ sung mục tiêu vốn sự nghiệp	Tr.đ								
D	Ghi thu, ghi chi quản lý qua ngân sách	Tr.đ								
1	Học phí	Tr.đ								
2	Phạt an toàn giao thông	Tr.đ								

SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP - THỦY SẢN

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	KH năm 2016	Ước TH 9 tháng năm 2016	Ước TH năm 2016	KH năm 2017
A	TRỒNG TRỌT					
*	Tổng sản lượng cây lương thực có hạt	Tấn				
	Trong đó: Thóc	"				
*	Một số cây trồng chính					
1	Cây lương thực	Ha				
a	Lúa cả năm	"				
	Năng suất	Tạ/ha				
	Sản lượng	Tấn				
	- Lúa Đông xuân	Ha				
	Năng suất	Tạ/ha				
	Sản lượng	Tấn				
	- Lúa Mùa	Ha				
	Năng suất	Tạ/ha				
	Sản lượng	Tấn				
	+ Lúa Mùa	Ha				
	Năng suất	Tạ/ha				
	Sản lượng	Tấn				
	+ Lúa nà, thỏ	Ha				
	Năng suất	Tạ/ha				
	Sản lượng	Tấn				
b	Ngô	Ha				
	Năng suất	Tạ/ha				
	Sản lượng	Tấn				
2	Sắn	Ha				
	Năng suất	Tạ/ha				
	Sản lượng	Tấn				
3	Mía tổng số	Ha				
	Trong đó: Trồng mở rộng	"				
	Năng suất	Tạ/ha				
	Sản lượng	Tấn				
4	Cà phê tổng số	Ha				
	Trong đó: - Trồng mới	"				
	- Kinh doanh	"				
	Năng suất	Tạ/ha				
	Sản lượng	Tấn				
5	Cao su tổng số	Ha				
	Trong đó: - Trồng mới	"				
	- Kinh doanh	"				
	Năng suất	Tạ/ha				
	Sản lượng	Tấn				
B	CHĂN NUÔI					
1	Tổng số đàn trâu	Con				
2	Tổng số đàn bò	"				
3	Tổng số đàn heo	"				
C	THỦY SẢN					
1	Diện tích nuôi trồng thủy sản	Ha				
a	Nuôi ao cá	"				
b	Nuôi hồ chứa	"				
c	Nuôi ca lồng	Lồng				
2	Sản lượng thủy sản	Tấn				
	Sản lượng nuôi trồng	"				
	Sản lượng khai thác tự nhiên	"				

Phụ lục 05

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH/
(UBND HUYỆN, THÀNH PHỐ...)

BÁO CÁO

Tình hình hạn hán vụ Đông Xuân 2015 - 2016

STT	Huyện, thành phố/ Đơn vị xã, phường, thị trấn	Nội dung						Ghi chú
		Tổng diện tích gieo trồng vụ Đông Xuân 2015 - 2016 (ha)	Diện tích gieo trồng bị thiệt hại do hạn hán gây ra (ha)	Diện tích đất không còn khả năng gieo cấy sau thời điểm hạn hán (ha)	Diện tích gieo trồng được điều chỉnh giảm theo Nghị quyết 03/NQ- HDND (ha)	Số kinh phí Nhà nước hỗ trợ khắc phục hậu quả hạn hán (triệu đồng)	Diện tích được hỗ trợ kinh phí khắc phục hậu quả hạn hán (ha)	
1	Huyện, thành phố/xã, phường, thị trấn							
2	...							
...	...							

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH/
(UBND HUYỆN, THÀNH PHỐ...)**

BÁO CÁO

Tình hình rà soát, chuyển đổi cây trồng trên đất trồng lúa thiếu nước tưới vụ Đông Xuân 2016 - 2017

Đơn vị tính: Ha

STT	Huyện, thành phố/ Đơn vị xã, phường, thị trấn	Nội dung						Ghi chú
		Tổng diện tích đất có nhu cầu chuyển đổi cây trồng trên đất trồng lúa vụ Đông Xuân 2016 - 2017	Chuyển đổi sang cây ngô	Chuyển đổi sang cây rau	Chuyển đổi sang cây sắn	Chuyển đổi sang cây đậu, đỗ	Chuyển đổi sang trồng cỏ	
1	Huyện, thành phố/xã, phường, thị trấn							
2	...							
...	...							